

Số: 500 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban Giám đốc
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh (gọi tắt là "Chi nhánh"), được lập ngày 06 tháng 3 năm 2017, từ trang 04 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Chi nhánh chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Chi nhánh theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Chi nhánh xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Chi nhánh có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Chi nhánh liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Chi nhánh. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Chi nhánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Chi nhánh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 28 tháng 3 năm 2016 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 06 tháng 3 năm 2017
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đỗ Hồng Dương
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2393-2015-001-1



**NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CAMPUCHIA -
CHI NHÁNH TP HỒ CHÍ MINH**

110 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 7, quận 3
TP Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B02/TCTD

Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: Triệu VND

| STT | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | 31/12/2016 | 31/12/2015 |
|--------------|---|-------------|------------------|------------------|
| A | TÀI SẢN | | | |
| I. | Tiền mặt | 3 | 7.157 | 7.115 |
| II. | Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước ("NHNN") | 4 | 43.243 | 62.756 |
| III. | Tiền gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác | 5 | 1.368.013 | 1.896.623 |
| 1. | Tiền gửi tại TCTD khác | | 1.368.013 | 1.400.373 |
| 2. | Cho vay các TCTD khác | | - | 500.000 |
| 3. | Dự phòng rủi ro tiền gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác | | - | (3.750) |
| IV. | Hoạt động mua nợ | 7 | 201.985 | 137.662 |
| 1. | Mua nợ | | 203.677 | 139.000 |
| 2. | Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ | | (1.692) | (1.338) |
| V. | Cho vay khách hàng | | 1.827.055 | 1.442.459 |
| 1. | Cho vay khách hàng | 6 | 1.840.194 | 1.454.624 |
| 2. | Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng | 8 | (13.139) | (12.165) |
| VI. | Chứng khoán đầu tư | 9 | 35.737 | 1.000 |
| 1. | Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán | | 36.000 | 1.000 |
| 2. | Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư | | (263) | - |
| VII. | Tài sản cố định | 10 | 13.711 | 16.518 |
| 1. | Tài sản cố định hữu hình | 10.1 | 6.474 | 6.575 |
| a. | Nguyên giá | | 19.593 | 18.174 |
| b. | Hao mòn | | (13.119) | (11.599) |
| 2. | Tài sản cố định vô hình | 10.2 | 7.237 | 9.943 |
| a. | Nguyên giá | | 22.852 | 22.852 |
| b. | Hao mòn | | (15.615) | (12.909) |
| VIII. | Tài sản Có khác | 11 | 51.885 | 65.072 |
| 1. | Các khoản phải thu | | 2.572 | 2.842 |
| 2. | Các khoản lãi, phí phải thu | | 46.345 | 60.206 |
| 3. | Tài sản có khác | | 2.968 | 2.024 |
| | TỔNG TÀI SẢN | | 3.548.786 | 3.629.205 |

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: Triệu VND

| STT | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | 31/12/2016 | 31/12/2015 |
|-------------|---|-------------|------------------|------------------|
| B. | NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU | | | |
| I. | Tiền gửi và vay các TCTD khác | 12 | 1.770.516 | 2.211.381 |
| 1. | Tiền gửi của các TCTD khác | | 1.740.516 | 2.211.381 |
| 2. | Vay các TCTD khác | | 30.000 | - |
| II. | Tiền gửi của khách hàng | 13 | 1.402.756 | 1.054.171 |
| III. | Các khoản nợ khác | 14 | 19.492 | 18.171 |
| 1. | Các khoản lãi, phí phải trả | | 19.062 | 16.692 |
| 2. | Các khoản phải trả và công nợ khác | | 430 | 1.479 |
| | TỔNG NỢ PHẢI TRẢ | | 3.192.764 | 3.283.723 |
| IV. | Vốn và các quỹ | | | |
| 1. | Vốn của Ngân hàng | 16 | 269.115 | 269.115 |
| | Vốn điều lệ | | 269.115 | 269.115 |
| 2. | Quỹ của Ngân hàng | 16 | 16.755 | 16.688 |
| 3. | Lợi nhuận chưa phân phối | 16 | 70.152 | 59.679 |
| | TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 356.022 | 345.482 |
| | TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 3.548.786 | 3.629.205 |

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: Triệu VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| STT | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | 31/12/2016 | 31/12/2015 |
|-----|-----------------------------|-------------|------------|------------|
| 1. | Cam kết trong nghiệp vụ L/C | 28 | 18.274 | 12.266 |
| 2. | Bảo lãnh khác | 28 | 22.874 | 39.872 |

Người lập

Người phê duyệt

Người phê duyệt

Phan Thị Bích Hạnh
Chuyên viên
Phòng Tài chính Kế toán

Nguyễn Thị Trà My
Trưởng phòng
Phòng Tài chính Kế toán

Nguyễn Quốc Tuấn
Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: Triệu VND

| STT | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm 2016 | Năm 2015 |
|-------------|---|-------------|-----------------|-----------------|
| 1. | Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự | 17 | 186.297 | 167.948 |
| 2. | Chi phí lãi và các chi phí tương tự | 18 | (100.989) | (113.851) |
| I | Thu nhập lãi thuần | | 85.308 | 54.097 |
| 3. | Thu nhập từ hoạt động dịch vụ | | 2.853 | 2.419 |
| 4. | Chi phí hoạt động dịch vụ | | (927) | (912) |
| II | Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ | 19 | 1.926 | 1.507 |
| III | Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | 20 | 4.579 | 10.954 |
| IV | (Lỗ)/Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư | 21 | (263) | 1.500 |
| 5. | Thu nhập từ hoạt động khác | | 1.859 | 3.757 |
| V | Lãi thuần từ hoạt động khác | 22 | 1.859 | 3.757 |
| | Tổng thu nhập hoạt động | | 93.409 | 71.815 |
| 6. | Chi phí nhân viên | | (16.277) | (17.639) |
| 7. | Chi phí khấu hao và khấu trừ | | (4.449) | (5.029) |
| 8. | Chi phí hoạt động khác | | (21.729) | (20.313) |
| VI | Tổng chi phí hoạt động | 23 | (42.455) | (42.981) |
| VII | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | | 50.954 | 28.834 |
| VIII | Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | | (38.401) | (18.335) |
| IX | Tổng lợi nhuận trước thuế | | 12.553 | 10.499 |
| 9. | Chi phí thuế TNDN hiện hành | 24 | (2.020) | (395) |
| X | Chi phí thuế TNDN | | (2.020) | (395) |
| XI | Lợi nhuận sau thuế | | 10.533 | 10.104 |

Người lập

Người phê duyệt

Người phê duyệt





Phan Thị Bích Hạnh
Chuyên viên
Phòng Tài chính Kế toán

Nguyễn Thị Trà My
Trưởng phòng
Phòng Tài chính Kế toán

Nguyễn Quốc Tuấn
Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này